Chi tiết mã HS 2937.19.00

Mã HS	2937.19.00
Mô tả hàng hóa	Các hormon, prostaglandins, thromboxanes và leukotrienes, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp; các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng, kể cả chuỗi polypeptit cải biến, được sử dụng chủ yếu như hormon / - Các hormon polypeptit, các hormon protein và các hormon glycoprotein, các dẫn xuất và các chất có cấu trúc tương tự của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:29:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/29371900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4425
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4425
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4425
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4383
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4344
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4344
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4344
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4344
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4344
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4344
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4382
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4382
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4382
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4382
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4382
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4386
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4386
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4386
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4386
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4386
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4386
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4386
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4350
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4346
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4346
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4346
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4346
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4346
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4346
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4346
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4346
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4346
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4346
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4346
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4346
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4393
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4393
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4393
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4393

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4393
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4393
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4390
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4390
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4390
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4390
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4390
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4390
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4398
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4398
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4398
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4398
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4398
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4398
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4369
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4369
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4369
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4369
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4369
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4369
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4371
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4371
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4371
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4371
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4371
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4371

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4369
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4369
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4369
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4369
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4369
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4369
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4369
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4390
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4390
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4390
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4390
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4390
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4390
RCEP B	2022	2022	0	B!D4390
RCEP B	2023	2023	0	B!E4390
RCEP B	2024	2024	0	B!F4390
RCEP B	2025	2025	0	B!G4390
RCEP B	2026	2026	0	B!H4390
RCEP B	2027	2027	0	B!I4390
RCEP C	2022	2022	0	C!D4390
RCEP C	2023	2023	0	C!E4390
RCEP C	2024	2024	0	C!F4390
RCEP C	2025	2025	0	C!G4390
RCEP C	2026	2026	0	C!H4390
RCEP C	2027	2027	0	C!I4390
RCEP D	2022	2022	0	D!D4390

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4390
RCEP D	2024	2024	0	D!F4390
RCEP D	2025	2025	0	D!G4390
RCEP D	2026	2026	0	D!H4390
RCEP D	2027	2027	0	D!I4390
RCEP E	2022	2022	0	E!D4393
RCEP E	2023	2023	0	E!E4393
RCEP E	2024	2024	0	E!F4393
RCEP E	2025	2025	0	E!G4393
RCEP E	2026	2026	0	E!H4393
RCEP E	2027	2027	0	E!I4393
RCEP F	2022	2022	0	F!D4390
RCEP F	2023	2023	0	F!E4390
RCEP F	2024	2024	0	F!F4390
RCEP F	2025	2025	0	F!G4390
RCEP F	2026	2026	0	F!H4390
RCEP F	2027	2027	0	F!I4390
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4040
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4040
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4040
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4040

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2937.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2937.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4425), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc độc, NL độc làm thuốc XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.